SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**
**NĂM HỌC 2026 - 2027**

**DANH SÁCH**
**THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TỪ CHỐI NHẬP HỌC VÀ KHÔNG NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC LỚP 10 TRƯỜNG**
**NĂM HỌC 2026 - 2027**

| STT | Mã học sinh | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Dân tộc | Trường THCS/ TH&THCS | KQHT L6 | KQRL L6 | KQHT L7 | KQRL L7 | KQHT L8 | KQRL L8 | KQHT L9 | KQRL L9 | ĐTBL9 | UTKK | Tổng điểm | Ghi chú | Trạng thái |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HSH26245619000534 | Mã Thị Thu Hương | Nữ | 10/09/2011 | Sán Chỉ | Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin | Đ | T | K | T | K | T | K | T | 7.6 | 1 | 44.5 | Tuyển thẳng | Từ chối nhập học |
| 2 | HSH26245449001359 | Trần Đình Quốc Việt | Nam | 29/03/2011 | Kinh | Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.4 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 3 | HSH26245449001390 | Phạm Thanh Minh Nguyệt | Nữ | 04/01/2011 | Kinh | Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.2 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 4 | HSH26245449001333 | Trịnh Nguyễn Quang Đạt | Nam | 13/04/2011 | Kinh | Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.3 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 5 | HSH26245619000177 | Nguyễn Ngọc Phương Linh | Nữ | 08/02/2011 | Kinh | Trường THCS Dray Bhăng | T | T | T | T | T | T | T | T | 8.7 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 6 | HS1017152110 | Lê Tiến Đạt | Nam | 14/08/2011 | Kinh | Trường THCS và THPT Đông Du | T | T | T | T | T | T | T | T | 8.4 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 7 | HSH26245409000071 | Hồ Lê Phương Trinh | Nữ | 31/01/2011 | Kinh | Trương THCS Chư Quynh | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.05 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 8 | HSH26245449001360 | Phạm Nguyễn Phương Uyên | Nữ | 07/01/2011 | Kinh | Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.3 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 9 | HSH26245409000193 | Trần Lê Hào | Nam | 09/07/2011 | Kinh | Trường THCS Ea Hu | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.25 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 10 | HSH26245409000457 | Hà Nguyễn Thùy Linh | Nữ | 24/08/2011 | Kinh | Trường THCS Ea HNin | T | T | T | T | T | T | T | T | 8.7 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 11 | HSH26245409000300 | Trần Anh Thái | Nam | 23/02/2011 | Kinh | Trường THCS Chư Êwi | T | T | T | T | T | T | T | T | 8.6 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 12 | HSH26689000027 | Nguyễn Trần Tiến Đạt | Nam | 18/05/2011 | Kinh | Trường THCS Phan Đình Phùng | T | T | T | T | T | T | T | T | 9.08 | 0 | 50 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 13 | HSH26689000036 | Nguyễn Lê Yến Nhi | Nữ | 28/09/2011 | Kinh | THCS Lý Thường Kiệt | K | T | T | T | T | T | T | T | 9.3 | 0 | 49 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 14 | HSH26569000001 | Ngô Thị Nhật Linh | Nữ | 27/12/2011 | Kinh | THCS Trần Phú | K | T | K | T | T | T | T | T | 8.79 | 0 | 48 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 15 | HSH26245409000438 | Trần Anh Duy | Nam | 01/08/2011 | Kinh | Trường THCS Ea HNin | K | T | K | T | K | T | K | T | 7.7 | 0 | 45 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 16 | HS1015351185 | Lê Hoàng Sơn | Nam | 14/07/2011 | Kinh | TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT HOÀNG VIỆT | K | T | K | T | K | T | K | T | 7 | 0 | 45 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 17 | HS1014982888 | Y - Sơ Un Byă | Nam | 07/04/2011 | Ê-đê | Trường THCS Lạc Long Quân | Đ | T | K | T | K | T | K | T | 7.1 | 1 | 44.5 | Đỗ NV1 | Không nộp hồ sơ nhập học |
| 18 | HSH26245619000079 | H Ñia Bkrông | Nữ | 20/10/2011 | Ê-đê | Trường THCS Giang Sơn | Đ | T | Đ | K | Đ | T | Đ | T | 6.5 | 1 | 37.5 | Đỗ NV1 | Không nộp hồ sơ nhập học |
| 19 | HSH26245619000031 | Y Sim Byă | Nam | 05/04/2011 | Ê-đê | Trường THCS Ea Bhôk | Đ | T | Đ | T | Đ | T | K | T | 6.9 | 1 | 41.5 | Đỗ NV1 | Không nộp hồ sơ nhập học |
| 20 | HSH26245449001387 | Nguyễn Thị Nhung | Nữ | 30/07/2011 | Kinh | Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu | Đ | T | Đ | T | Đ | T | K | T | 7.4 | 0 | 40.5 | Đỗ NV1 | Từ chối nhập học |
| 21 | HSH26245449000880 | Y Rô Ken Hmõk | Nam | 12/12/2011 | Ê-đê | THCS Ea Tiêu | Đ | K | Đ | T | Đ | T | Đ | T | 5.4 | 1 | 37.5 | Đỗ NV1 | Không nộp hồ sơ nhập học |

*Dray Bhăng, ngày 3 tháng 7 năm 2026*
**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Y JÚT

**VĂN THÀNH SƠN**